

**KÍNH GỬI:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**
2. Mã chứng khoán: NNT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 14 – Tô Hiệu – TP. Phan Rang – Tháp Chàm – Tỉnh Ninh Thuận.
4. Điện thoại: 068.3823980 Fax: 068.3820350
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Mai Thị Thanh Hương**
6. Nội dung thông tin công bố:

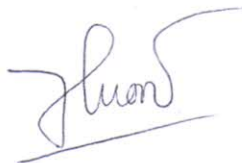
Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KT-TV.



Mai Thị Thanh Hương

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phạm Hồng Châu



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN

Địa chỉ : 14 Tô Hiệu – TP. Phan Rang – Tháp Chàm – Tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại : (068) 3823980 - Fax : (068) 3820350

Ninh Thuận, ngày 7 tháng 6 năm 2016

## THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

**Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2016.

**1. Thời gian:** 08 giờ 30 thứ Sáu, ngày 24 tháng 6 năm 2016

**2. Địa điểm:** Khu hội nghị LONG THUẬN

Phường Mỹ Bình, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

**3. Nội dung chính Đại hội:**

(*Quý cổ đông vui lòng xem Chương trình Đại hội đính kèm*)

**4. Điều kiện tham dự Đại hội:**

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 25/05/2016.

- Cổ đông tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời, CMND hoặc Hộ chiếu. Người được uỷ quyền mang theo Giấy uỷ quyền hợp lệ và Thư mời họp của người uỷ quyền bản chính (đối với trường hợp được uỷ quyền) để kiểm tra tư cách cổ đông tham dự.

Rất hân hạnh được đón tiếp quý cổ đông.

**Lưu ý:** Quý cổ đông vui lòng mang theo bộ hồ sơ nhận được gửi kèm theo Thư mời họp này khi đến tham dự họp. Riêng Báo cáo tài chính 2015 cổ đông vui lòng truy cập website của Công ty: [www.capnuocninhthuan.com](http://www.capnuocninhthuan.com)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



NGUYỄN HOÀNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

Theo luật định, Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tiến hành Đại hội cổ đông thường niên 2016, Đại hội sẽ thống nhất một số nội dung sau phần khai mạc.

**1. Thống nhất về nhân sự Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn, Ban thẩm tra tư cách cổ đông:**

a. Nhân sự Chủ tịch đoàn:

- |                       |                            |
|-----------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Hoàng    | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Hồng Châu  | Ủy viên HĐQT               |
| - Ông Nguyễn Văn Minh | Ủy viên HĐQT               |

Đại hội thảo luận, cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

b. Nhân sự Thư ký đoàn: Nhân sự Thư ký đoàn dự kiến gồm 2 người như sau:

- |                        |             |
|------------------------|-------------|
| - Ông Nguyễn Hữu Hùng  | – Tổ trưởng |
| - Ông Nguyễn Phú Cường | – Tổ viên   |

Đại hội thảo luận, cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

c. Nhân sự Ban thẩm tra tư cách cổ đông: Nhân sự Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự kiến gồm 5 người như sau:

- |                           |           |
|---------------------------|-----------|
| - Ông Trần Hồng Phương    | Tổ trưởng |
| - Bà Lê Thị Phương Anh    | Tổ viên   |
| - Bà Ngô Huỳnh Kim Thoa   | Tổ viên   |
| - Bà Mai Thị Thanh Hương  | Tổ viên   |
| - Bà Nguyễn Thị Thu Hương | Tổ viên   |

Đại hội thảo luận, cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

**2. Chương trình Đại hội:**

Chương trình Đại hội gồm các nội dung chính như sau:

- a. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu
- b. Thông qua nhân sự Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn.
- c. Báo cáo tư cách cổ đông
- d. Thông qua thể lệ làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội.
- e. Thông qua các báo cáo tại Đại hội:

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015.
  2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016.
  3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015.
  4. Tờ trình về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2016.
  5. Tờ trình về việc Quyết toán chi thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2015 và kế hoạch chi thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2016.
  6. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015.
  7. Kế hoạch SX-KD, Đầu tư xây dựng, Tài chính từ năm 2016.
- f. Đại hội thảo luận
- g. Chủ tịch đoàn trả lời các câu hỏi của các cổ đông
- h. Đại biểu phát biểu ý kiến (nếu có)
- i. Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội: *(Biểu quyết)*
1. Thông qua nghị quyết Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015.
  2. Thông qua nghị quyết Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016.
  3. Thông qua nghị quyết Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016.
  4. Thông qua nghị quyết về việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2016.
  5. Thông qua nghị quyết về việc phê duyệt chi thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2015 và kế hoạch chi thù lao HĐQT và BKS Công ty năm 2016.
  6. Thông qua nghị quyết về Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015.
  7. Thông qua nghị quyết về Kế hoạch SX-KD, Đầu tư xây dựng, Tài chính từ năm 2016.
- j. Thư ký Đại hội thông qua Nghị quyết Đại hội. *(Biểu quyết)*
- k. Phát biểu bế mạc Đại hội.

Đại hội thảo luận cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

## **ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM DỰ**  
**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016**

**Kính gửi:** Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016  
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Tôi tên là : .....  
Mã số cổ đông : **NIW** .....  
Quốc tịch : .....  
Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếu : .....  
Ngày cấp : ..... Nơi cấp : .....  
Địa chỉ thường trú : .....  
Điện thoại : .....  
Số cổ phần hiện đang sở hữu : ..... cổ phần.  
(Bằng chữ : .....)

**Tôi đã nhận được Thư mời họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận và tôi xin xác nhận rằng: ( Chọn ô số 1 hoặc ô số 2 )**

1.  Đồng ý tham dự Đại hội
2.  Đồng ý ủy quyền cho :

Họ tên người được ủy quyền : Ông (Bà) : .....  
CMND số : ..... Cấp ngày : ..... tại : .....  
Mã số cổ đông (nếu là cổ đông công ty Niwaco) : **NIW** .....

Đại diện tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề (nếu có) trong phiên họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

....., ngày ..... tháng 06 năm 2016

**Chữ ký**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ghi rõ họ tên)

**Chữ ký**  
**CỔ ĐÔNG**  
(Ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- Đề nghị quý cổ đông điền đầy đủ thông tin và gửi phiếu này về: Ông Nguyễn Hữu Hùng, số 14 Tô Hiệu, TP. Phan Rang – Tháp Chàm **trước 16h00 ngày 20/6/2016.**
- Việc ủy quyền chỉ được thực hiện một lần, người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .....tháng 6 năm 2016



**GIẤY ỦY QUYỀN**

**V/v: Tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2016  
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận**

- Người ủy quyền:.....
  - CMND/ĐKKD số:.....cấp ngày ...../...../..... tại :.....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: .....Fax:.....
- Là cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.  
Mã số cổ đông:....., số cổ phần sở hữu:.....

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, nay:

**ỦY QUYỀN CHO**

- Ông (bà):.....
- CMND/ĐKKD số:.....cấp ngày .../...../..... tại :.....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....Fax:.....

Thay mặt tôi/chúng tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu.

Ông (bà).....có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản có giá trị pháp lý như nhau.

**Người được ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người ủy quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## **THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ CÁCH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016**

Đề Đại hội cổ đông (ĐHCĐ) thường niên 2016 Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ. Xin trình Đại hội thông qua “Thẻ lệ làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội” như sau:

### **I. Biểu quyết thông qua các chương trình trong Đại hội**

#### **1. Nguyên tắc:**

- Các vấn đề thông qua tại Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Mỗi cổ đông hoặc người được uỷ quyền sẽ được cấp một (01) Phiếu biểu quyết, trong đó có ghi mã số cổ đông và tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của cổ đông (mỗi cổ phần biểu quyết tương đương với một Phiếu biểu quyết).
- Tất cả các vấn đề được thông qua tại Đại hội khi được số cổ đông đại diện ít nhất:

+ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đối với các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất. Các nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 75% số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua bằng hình thức gửi văn bản.

+ ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự chấp thuận đối với các vấn đề còn lại.

#### **2. Cách thức biểu quyết:**

- Cổ đông hoặc người được uỷ quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý hoặc không đồng ý, hoặc không có ý kiến về một vấn đề được biểu quyết thông qua tại Đại hội bằng cách giơ cao Phiếu biểu quyết.
- Khi biểu quyết, mặt trước Phiếu biểu quyết (có ghi mã số biểu quyết) phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tịch. Những cổ đông không giơ cao Phiếu biểu quyết được xem là *không đồng ý* các vấn đề cần biểu quyết.

### **II. Phát biểu ý kiến tại Đại hội**

Các cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải:

- Được sự chấp thuận của Chủ tịch đoàn.
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình Đại hội.

### **III. Đối với Đoàn chủ tịch**

1. Danh sách Đoàn chủ tịch được Đại hội thông qua bằng biểu quyết.
2. Trách nhiệm của Đoàn chủ tịch:
  - Điều khiển đại hội theo chương trình, thể lệ làm việc đã được Đại hội thông qua, Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số.
  - Hướng dẫn Đại hội thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong chương trình Đại hội và các vấn đề liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong thời gian Đại hội tiến hành.

### **IV. Đối với Thư ký đoàn**

1. Danh sách Thư ký đoàn được Đại hội thông qua bằng biểu quyết.
2. Trách nhiệm của Thư ký đoàn:
  - Ghi nhận kết quả biểu quyết của cổ đông hoặc người được uỷ quyền đối với các vấn đề được thông qua tại Đại hội.
  - Ghi chép đầy đủ những ý kiến phát biểu, tham luận của Đại hội và tổng hợp các kết luận của Đoàn chủ tịch.
  - Lập và trình Đại hội thông qua Biên bản Đại hội.

Thể lệ làm việc và cách thức biểu quyết này được trình bày trước ĐHCĐ thường niên 2016 và được thông qua khi có sự chấp thuận của ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Trên đây là “Thể lệ làm việc và cách thức biểu quyết tại Đại hội”, đề nghị quý vị cổ đông cho ý kiến và tiến hành biểu quyết.

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016**



## BÁO CÁO

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin cảm ơn và chào mừng các cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đã về dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2016. Tiếp theo xin báo cáo tới Đại hội tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận năm 2015 và phương hướng hoạt động năm 2016 như sau:

#### I. ĐẠT ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã phấn đấu thực hiện các mục tiêu do Đại hội đồng Cổ đông thường niên đề ra với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều tăng so với kết quả thực hiện năm 2014.

Công ty đã đầu tư Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Lương Tri, huyện Ninh Sơn và thôn Nho Lâm huyện Thuận Nam. Tuyến ống cấp nước uPVC D220 dọc Quốc lộ 1A từ cầu Đạo Long 2 đến ngã ba Long Bình hoàn thành và đưa vào sử dụng đã tạo điều kiện cho Công ty tăng được năng lực cấp nước, mở rộng vùng phục vụ.

Các hệ thống cấp nước tại các đô thị hoạt động ổn định. Nhu cầu dùng nước của khách hàng ngày càng tăng. Ý thức chấp hành Hợp đồng dịch vụ cấp nước của khách hàng tương đối tốt tạo thuận lợi cho công tác quản lý của Công ty.

#### II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TÀI CHÍNH:

Năm 2015 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt kết quả khả quan. Các chi phí trong giá thành được tính đúng tính đủ. Các số liệu về kết quả tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

Năm 2015:

	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
Vốn điều lệ	86.913.554.916 đ	86.913.554.916 đ	100
Sản lượng nước tiêu thụ	13.212.000 m <sup>3</sup>	14.281.790 m <sup>3</sup>	108,10
Tổng doanh thu	113.904.000.000 đ	130.314.028.657 đ	114,41
Lợi nhuận (trước thuế)	23.538.000.000 đ	27.458.908.253 đ	116,66
Lợi nhuận (sau thuế)	18.360.000.000 đ	21.358.774.377 đ	116,33
Thực nộp ngân sách NN	9.386.000.000 đ	12.723.730.403 đ	135,56

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015 hoàn thành kế hoạch theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015.

Năm 2015 sản xuất kinh doanh của Công ty đã có lợi nhuận và dự kiến sẽ chia cổ tức cho các cổ đông như sau:

- Mức chi trả cổ tức phần lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ của năm 2015 là 14%/ cổ phần, tính trên tổng mệnh giá 8.691.355 cổ phần.

- Dự kiến ngày chốt danh sách chia cổ tức năm 2015 là ngày 15/7/2016. Ngày nhận cổ tức: bắt đầu từ ngày 15/8/2016.

### **III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

#### **1. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị:**

Trong năm, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 26/6/2015, tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành kế hoạch năm mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt, phát triển sản xuất kinh doanh đạt yêu cầu, mở thêm nhiều vùng phục vụ mới, nhiều hộ khách hàng được dùng nước sạch.

Tóm lại, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty quy định, hiệu quả công việc đạt yêu cầu.

Năm 2015 Hội đồng quản trị đã họp 22 phiên, ban hành nhiều nghị quyết liên quan đến hoạt động Công ty:

1. Thống nhất tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2015 vào ngày 26/6/2015 tại khu hội nghị Long Thuận, phường Mỹ Bình, TP. Phan Rang – Tháp Chàm.

2. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014.

3. Thông qua Kế hoạch SX-KD, Đầu tư xây dựng cơ bản, Tài chính năm 2015 của Giám đốc Công ty.

4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015.

5. Thông qua việc Quyết toán chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2014 và kế hoạch chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015.

6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.

7. Thông qua việc Xây dựng quỹ lương kế hoạch cho người lao động năm 2015.

8. Thông qua việc Xây dựng quỹ lương, quỹ thù lao kế hoạch cho viên chức quản lý năm 2015.

9. Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Lương Tri, huyện Ninh Sơn và thôn Nho Lâm huyện Thuận Nam..

10. Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước uPVC D220 dọc Quốc lộ 1A từ cầu Đạo Long 2 đến ngã ba Long Bình.

11. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị diễn ra đúng thời gian theo quy định, thể hiện quản lý mọi mặt hoạt động của Công ty, phản ánh đầy đủ các yêu cầu đối với SXKD của Công ty.

#### **2. Hoạt động giám sát đối với Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý:**

Giám Đốc công ty là thành viên Hội đồng quản trị nên mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Nghị quyết ban hành đều có Giám đốc tham gia, việc triển khai thực hiện Nghị quyết được thuận lợi. Giám Đốc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty:

Về doanh thu: Hoàn thành kế hoạch năm sau cao hơn năm trước.

Về lợi nhuận: Sản xuất kinh doanh đã có lãi.

Về hoạt động giám sát: Hàng quý Hội đồng quản trị họp thường kỳ nghe Ban Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị thảo luận và góp ý kiến chỉ đạo.

Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát tình hình hoạt động của Công ty. Tham gia họp với Ban Giám đốc, phòng ban và các đối tác có liên quan khi có các vấn đề quan trọng như xây dựng giá nước, kế hoạch đầu tư mở rộng mạng ống phân phối, cải tạo tăng năng lực sản xuất nước của các nhà máy nước các khu vực, bàn thảo các chủ trương đầu tư thực hiện dự án...

Các văn bản liên quan gửi từ Công ty đi và từ đơn vị khác đến, Công ty đều gửi Hội đồng quản trị, từ đó nắm bắt kịp thời tình hình của Công ty.

Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc triển khai đầy đủ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay: Ban giám đốc gồm 01 Giám đốc có 5 phòng, 3 nhà máy, 1 Đội xây lắp, tất cả các trưởng đơn vị trực thuộc đều do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Hoạt động của các đơn vị trực thuộc trực tiếp dưới sự điều hành của Ban Giám đốc Công ty. Việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị thực hiện tốt, được cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả.

#### **IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016:**

Tiếp theo những kết quả đã đạt được trong năm 2015, Hội đồng quản trị tiếp tục giám sát theo quy định trong Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội cổ đông, thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định.

Mục tiêu trọng tâm của Hội đồng quản trị là chỉ đạo thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2015, chỉ đạo hoàn thành kế hoạch, giảm chi phí trong giá thành nước máy, giảm tỷ lệ thất thoát, đảm bảo bảo toàn vốn và có lãi. Để thực hiện được mục tiêu này, Hội đồng quản trị chủ trương thực hiện một số công việc sau:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả nhất nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016. Phát triển thêm nhiều khu vực phục vụ khách hàng để tăng sản lượng. Chú trọng các giải pháp chống thất thoát, phấn đấu năm 2016 sản xuất kinh doanh tiếp tục có lãi để trích chia cổ tức cho các cổ đông.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty.

- Tiếp tục phát triển mạng lưới, phát huy hết công suất các nhà máy. Hoàn thành các dự án Cải tạo và nâng cấp nhà máy nước Tân Sơn, nhà máy nước Tháp

Chậm và đưa vào hoạt động nhằm cải thiện chất lượng nước sạch, tăng năng lực cấp nước; cải tạo mạng ống cũ, tăng cường quản lý chống thất thoát, phần đầu giảm tỷ lệ thất thoát năm 2016 xuống còn  $\leq 20$ .

- Tăng cường áp dụng công nghệ mới, công nghệ thông tin trong SX-KD và quản lý điều hành nhằm tăng hiệu quả hoạt động.

- Phần đầu doanh thu về sản xuất nước hàng năm tăng từ 8-10%, tiết kiệm chi phí trong sản xuất để hoạt động hàng năm của Công ty có lãi và trích một phần lãi chia cho các cổ đông./.

Trân trọng cảm ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN HOÀNG

Số: 06/CNNT-BKS

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 6 năm 2016



## BÁO CÁO

### **Hoạt động của Ban kiểm soát 2015 và phương hướng nhiệm vụ 2016 Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016

Kính thưa quý cổ đông.

Thực thi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát theo chức năng và nhiệm vụ đã quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tình hình hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận năm 2015 như sau:

#### **A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015**

##### **I. Hoạt động của ban kiểm soát năm 2015**

##### **1. Cơ cấu thành viên của Ban kiểm soát**

- Ông Trần Hồng Phương      Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Lê Văn Hải      Thành viên
- Ông Phạm Hữu Sơn      Thành viên

##### **2. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát**

Năm 2015, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của mình trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thông qua các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính.

Một số hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2015:

- Tổ chức họp định kỳ đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin, giám sát việc tuân thủ Pháp luật, điều lệ Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận; đánh giá xếp loại doanh nghiệp và viên chức quản lý...

- Thẩm định tiền lương kế hoạch, tiền lương thực hiện của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận theo đúng quy định; kết quả tiền lương thực hiện năm 2015 như sau:

- + Quỹ tiền lương thực hiện cho người lao động:      17.692.487.973 đồng
- + Quỹ lương thực hiện cho VCQL chuyên trách:      1.314.000.000 đồng
- + Quỹ thù lao thực hiện cho VCQL không chuyên trách:      373.680.000 đồng

Tổng cộng quỹ lương thực hiện năm 2015: 19.380.167.973 đồng

- Kiểm soát việc công bố thông tin của công ty đại chúng, niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UpCom.

- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị về định hướng, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch năm 2016.

- Kiểm tra, giám sát các thủ tục trình tự công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

## II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh năm 2015 thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26-6-2015. Công ty đã phát đầu đạt được các chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	TH/KH 2015 (%)
1. Sản lượng nước tiêu thụ	m <sup>3</sup>	13.212.000	14.281.790	108,10
2. Phát triển khách hàng	hộ	4.000	5.289	132,23
3. Tỷ lệ thất thoát	%	21	21	Đạt KH
4. Tổng doanh thu	đồng	113.904.000.000	130.314.028.657	114,41
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	21,12	24,57	101,86
6. Thu nhập bình quân của người lao động	đồng	5.500.000	5.500.000	100,00

Ban kiểm soát nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty và có một số ý kiến nhận xét như sau:

- Các chỉ tiêu đề ra đều vượt so với kế hoạch, nhất là chỉ tiêu về sản lượng nước tiêu thụ tăng 13,32% so với năm 2014.

- Về chỉ tiêu phát triển hộ khách hàng, Công ty luôn chú trọng nhằm đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, tăng 32,32% kế hoạch đề ra.

- Về công tác giảm thất thoát nước:

+ Công ty chú trọng công tác cải tạo, sửa chữa thay thế các tuyến ống mục, phân vùng tách mạng nhằm đảm bảo áp lực nước trong toàn hệ thống mạng.

+ Công ty tiếp tục đầu tư thêm 8 điểm dataloger trên hệ thống quản lý SCADA nhằm kiểm soát mạng lưới đường ống nước; triển khai phần mềm ứng dụng GIS trong quản lý mạng lưới cấp nước toàn Công ty. Tích cực trong công tác rà soát kiểm tra những điểm rò rỉ khắc phục kịp thời góp phần giảm tỷ lệ thất thoát nước theo đúng kế hoạch đề ra.

- Các chế độ phúc lợi, quyền lợi của người lao động trong Công ty được thực hiện đúng theo quy định, thu nhập của người lao động ổn định. Tuy nhiên, việc xác định quỹ tiền lương thực hiện hàng năm chưa đúng thời gian quy định dẫn đến quyết toán tiền lương cho người lao động chưa được kịp thời.

### III. Giám sát tình hình tài chính năm 2015

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính 2015 đã được kiểm toán của Công ty và nhận xét như sau:

- Công ty đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của Pháp luật về chế độ kế toán Việt Nam.

- Hồ sơ sổ sách, chứng từ kế toán lập và lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, đáp ứng các yêu cầu của công tác kiểm tra, kiểm toán.

- Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Kiểm toán VACO thực hiện kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.

Một số chỉ tiêu tài chính thực hiện cụ thể so sánh với năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả năm 2014	Kết quả năm 2015	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3=2/1
1. Vốn điều lệ	đồng	86.913.554.916	86.913.554.916	100,00
2. Doanh thu hoạt động cấp nước	đồng	92.826.284.215	110.322.320.229	118,85
3. Doanh thu lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt	đồng	3.989.747.037	4.578.838.319	114,77
4. Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	10.100.147.718	8.866.954.673	87,79
5. Thu nhập khác	đồng	4.785.993.936	6.545.915.436	136,77
6. Lợi nhuận trước thuế	đồng	22.671.906.761	27.458.908.253	121,11
7. Lợi nhuận sau thuế	đồng	17.605.691.963	21.358.774.377	121,32
8. Nộp ngân sách nhà nước	đồng	9.175.190.398	12.017.612.107	131,00

#### Nhận xét:

Mặc dù tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, lãi suất ngân hàng trong năm 2015 liên tục giảm, dòng tiền đầu tư tài chính giảm do trả lãi vay. Do đó doanh thu tài chính của Công ty năm 2015 chỉ bằng 87,79% so với năm 2014, nhưng tổng lợi nhuận sau thuế vẫn vượt 21% so với năm 2014 do được bù đắp bởi lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh nước và thu nhập khác.

### III. Công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

#### 1. Công tác quản lý của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động của HĐQT. Các phiên họp được tiến hành đúng theo quy định của Điều lệ Công ty.

- Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã ban hành 22 nghị quyết: về việc Quy chế quản lý nợ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận; kế hoạch sử dụng lao động năm 2015; đầu tư mở rộng các tuyến ống thôn Lương Tri, thôn Nho Lâm và các tuyến ống dọc Quốc lộ 1A...*ds*

- Chỉ đạo công tác quản lý và nhân sự; giải quyết tháo gỡ các vướng mắc khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho Ban Giám đốc điều hành sản xuất kịp thời, hoàn thành các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch đề ra.

## **2. Công tác điều hành của Ban Giám đốc**

- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

- Công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo và công bố thông tin định kỳ đối với Công ty đại chúng cho Ủy ban chứng khoán nhà nước.

- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ quản lý và sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả: hoàn thiện phần mềm chương trình phần mềm quản lý hóa đơn tiền nước, quản lý khách hàng; phần mềm kế toán doanh nghiệp.

- Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008.

- Xây dựng và ban hành các Quy chế, quy định phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Triển khai hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp NMN Tháp Chàm, NMN Tân Sơn giai đoạn I. Dự án đã đi vào hoạt động cuối năm 2015 đảm bảo cung cấp nước hiện tại và những năm tiếp theo.

- Triển khai thực hiện hóa đơn tiền nước điện tử, tiến tới thu tiền nước tại các điểm giao dịch, thu qua ngân hàng.

- Công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất việc đối chiếu doanh thu tiền nước giữa phòng Kinh doanh và phòng Kế toán Tài vụ kịp thời.

- Chế độ thông tin báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng đúng theo quy định, đảm bảo minh bạch tình hình hoạt động của Công ty.

- Với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã từng bước khắc phục các tồn tại, đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Năm 2015, Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: được Ủy ban nhân tỉnh tặng Bằng khen; Giám đốc Công ty đạt danh hiệu Doanh nhân tiêu biểu năm.

## **3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc**

Trong năm qua Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định cho Ban kiểm soát; các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc cung cấp đầy đủ, kịp thời. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều mời đại diện Ban kiểm soát tham dự. *ĐTC*



#### **IV. Nhận xét và kiến nghị**

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

- Năm 2015, công tác tổ chức sắp xếp bộ máy nhân sự phù hợp, hạn chế tuyển dụng, năng suất lao động tăng hơn so với năm 2014.

- Công ty sớm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để thuận lợi, chủ động cho công tác quản lý và tạo điều kiện thực hiện minh bạch trong quản lý tài chính.

- Công ty quan tâm hơn nữa trong công tác chống thất thoát, nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước theo đúng lộ trình, mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

- Đề nghị Công ty, xác định quỹ tiền lương thực hiện và xác định quỹ tiền lương kế hoạch hàng năm, đúng thời gian quy định.

#### **B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016**

1. Tổ chức họp định kỳ và bất thường (khi cần thiết).

2. Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị.

3. Thẩm định các báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, kế hoạch và thực hiện tiền lương, thù lao năm 2016;

4. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của công ty; việc thực hiện theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26-11-2014.

5. Thực hiện kiểm tra, giám sát đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

6. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.

7. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban Giám đốc Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của đơn vị kiểm toán;

8. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2016 kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chúc sức khỏe quý đại biểu, quý cổ đông.

Chúc Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 thành công tốt đẹp./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT C.ty;
- Giám đốc C.ty;
- Ban kiểm soát C.ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Trần Hồng Phương**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC

NINH THUẬN

Số: 08 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 6 năm 2016

## TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/NĐ-HĐQT ngày 06/06/2016,
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO-Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh kiểm toán. (Đính kèm Báo cáo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Hồng Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Phạm Hồng Châu	Giám đốc
Ông Đinh Việt Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cầm	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



**Phạm Hồng Châu**  
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 03 năm 2016

Số: 039/VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 03 năm 2016 từ trang 03 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 03 năm 2015 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bao gồm vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN số 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tp. HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2016



Nguyễn Mạnh Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN số 1826-2013-156-1

*Văn phòng Hà Nội*

Tầng 4, số 168 Đường Láng

P. Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84-8) 3840 6618

Fax: (84-8) 3840 6616

*Văn phòng Hải Phòng*

499 Quán Toan

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Tel: (84-31) 353 4655

Fax: (84-31) 353 4316

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>168.210.527.122</b>	<b>169.039.595.229</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.824.079.308</b>	<b>8.379.401.888</b>
1. Tiền	111	5	8.824.079.308	8.379.401.888
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>130.000.000.000</b>	<b>134.288.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	130.000.000.000	134.288.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.093.347.800</b>	<b>18.266.195.872</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.852.060.965	1.360.346.362
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		124.000.000	25.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.570.563.381	17.270.845.159
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(453.276.546)	(389.995.649)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>11.270.625.203</b>	<b>8.027.995.677</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.270.625.203	8.027.995.677
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.474.811</b>	<b>78.001.792</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	22.474.811	78.001.792
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>224.003.808.720</b>	<b>234.112.276.633</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>213.557.326.915</b>	<b>226.783.854.054</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	213.323.684.163	226.427.237.761
- Nguyên giá	222		390.679.790.844	383.202.071.498
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.356.106.681)	(156.774.833.737)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	233.642.752	356.616.293
- Nguyên giá	228		579.050.909	579.050.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(345.408.157)	(222.434.616)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.893.348.740</b>	<b>346.644.918</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	3.893.348.740	346.644.918
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.500.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.553.133.065</b>	<b>5.481.777.661</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	6.553.133.065	5.481.777.661
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>392.214.335.842</b>	<b>403.151.871.862</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>279.486.547.885</b>	<b>294.331.549.611</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>50.790.778.127</b>	<b>50.488.889.370</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	3.528.631.474	1.816.987.670
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		148.003.580	75.664.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	1.686.150.305	2.782.764.998
4. Phải trả người lao động	314		4.551.490.813	3.375.451.955
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.089.417.393	4.895.644.509
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	19.799.371.990	21.150.039.337
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	15.144.245.028	15.144.245.028
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		843.467.544	1.248.091.473
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>228.695.769.758</b>	<b>243.842.660.241</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		609.089	3.254.544
2. Phải trả dài hạn khác	337	16	61.368.953.764	61.368.953.764
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	167.326.206.905	182.470.451.933
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>112.727.787.957</b>	<b>108.820.322.251</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>112.727.787.957</b>	<b>108.820.322.251</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		86.913.554.916	86.913.554.916
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		86.913.554.916	86.913.554.916
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.028.647.795	1.387.794.001
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.785.585.246	20.518.973.334
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		426.810.869	2.913.281.371
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.358.774.377	17.605.691.963
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>392.214.335.842</b>	<b>403.151.871.862</b>



**Phạm Hồng Châu**  
Giám đốc  
Ninh Thuận, ngày 23 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Thu Hòa**  
Kế toán trưởng

**Mai Thị Thanh Hương**  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	114.901.158.548	96.816.031.252
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		114.901.158.548	96.816.031.252
4. Giá vốn hàng bán	11	21	72.200.734.867	62.033.997.960
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		42.700.423.681	34.782.033.292
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.866.954.673	10.100.147.718
7. Chi phí tài chính	22	24	11.705.921.984	12.586.242.847
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.705.921.984	12.586.242.847
8. Chi phí bán hàng	25	25	6.223.434.177	5.263.595.317
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.898.294.152	5.066.236.755
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		27.739.728.041	21.966.106.091
11. Thu nhập khác	31	26	6.545.915.436	4.785.993.936
12. Chi phí khác	32	27	6.826.735.224	4.080.193.266
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(280.819.788)	705.800.670
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.458.908.253	22.671.906.761
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	6.100.133.876	5.066.214.798
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		21.358.774.377	17.605.691.963
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.457	2.091



Phạm Hồng Châu  
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thu Hòa  
Kế toán trưởng

Mai Thị Thanh Hương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>27.458.908.253</b>	<b>22.671.906.761</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	20.704.246.485	17.975.663.727
- Các khoản dự phòng	03	63.280.897	44.354.096
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.866.954.673)	(10.100.147.718)
- Chi phí lãi vay	06	11.705.921.984	12.586.242.847
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>51.065.402.946</b>	<b>43.178.019.713</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	165.094.156	2.590.774.376
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(3.242.629.526)	(3.262.161.184)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.729.109.191	16.678.570.168
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.071.355.404)	(697.301.708)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.331.297.820)	(12.667.715.188)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.500.000.000)	(4.885.445.540)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.523.161.600)	(2.315.142.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>25.291.161.943</b>	<b>38.619.597.737</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(11.024.423.168)	(7.459.923.141)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	-
3. Tiền chi cho vay	23	(143.000.000.000)	(137.688.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	148.788.000.000	121.400.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.866.954.673	9.025.067.282
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.630.531.505</b>	<b>(14.722.855.859)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.144.245.028)	(15.144.245.028)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.332.771.000)	(8.869.929.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(28.477.016.028)</b>	<b>(24.014.174.028)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)</b>	<b>50</b>	<b>444.677.420</b>	<b>(117.432.150)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.379.401.888</b>	<b>8.496.834.038</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>8.824.079.308</b>	<b>8.379.401.888</b>



**Phạm Hồng Châu**  
Giám đốc  
Ninh Thuận, ngày 23 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Thu Hòa**  
Kế toán trưởng

**Mai Thị Thanh Hương**  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận được thành lập theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4303000061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 16 tháng 09 năm 2008 và thay đổi lần thứ hai theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại số 14 đường Tô Hiệu, TP Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Vốn điều lệ của Công ty là 86.913.554.916 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 214 người (tại ngày 31/12/2014 là 193 người).

**Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trên ngành nghề sản xuất và cung cấp nước sạch, khảo sát, thiết kế và lắp đặt các mạng lưới và đường ống cấp nước.

**Ngành nghề kinh doanh**

Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật mạng lưới cấp nước; Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế công trình cấp, thoát nước; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình cấp nước.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Thi công lắp đặt đường ống cấp nước.

Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước.

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư phục vụ cho lắp đặt và sử dụng nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 17
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 30
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 07

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	826.848.609	649.235.000
Tiền gửi ngân hàng	7.997.230.699	7.730.166.888
<b>Cộng</b>	<b>8.824.079.308</b>	<b>8.379.401.888</b>

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Ban QL các công trình Hạ Tầng TP. Phan Rang TC	77.770.734	77.770.734
Khách hàng dùng nước	1.685.433.623	1.153.214.644
Các đối tượng khác	88.856.608	129.360.984
<b>Cộng</b>	<b>1.852.060.965</b>	<b>1.360.346.362</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ban QLDA cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận	12.850.545.966	12.620.545.966
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.285.917.446	4.177.063.225
Các đối tượng khác	434.099.969	473.235.968
<b>Cộng</b>	<b>16.570.563.381</b>	<b>17.270.845.159</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.214.631.325	-	3.321.841.363	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.055.993.878	-	4.706.154.314	-
<b>Cộng</b>	<b>11.270.625.203</b>	<b>-</b>	<b>8.027.995.677</b>	<b>-</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	Tăng	Giảm	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	22.474.811	198.210.316	184.220.348	8.484.843
Thuế GTGT	-	-	69.516.949	69.516.949
<b>Cộng</b>	<b>22.474.811</b>	<b>198.210.316</b>	<b>253.737.297</b>	<b>78.001.792</b>
		<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số thực nộp trong năm</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	118.165.077	1.972.206.208	1.854.041.131	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.217.029.968	6.100.133.876	7.500.000.000	2.616.896.092
Tiền thuế đất	-	14.028.159	14.028.159	-
Các loại thuế khác	350.955.260	2.834.629.171	2.649.542.817	165.868.906
<b>Cộng</b>	<b>1.686.150.305</b>	<b>10.920.997.414</b>	<b>12.017.612.107</b>	<b>2.782.764.998</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	29.116.137.421	22.015.484.786	331.250.620.236	266.554.345	553.274.710	383.202.071.498
- Mua trong năm	-	85.536.364	90.000.000	-	-	175.536.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	7.302.182.982	-	-	7.302.182.982
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<u>29.116.137.421</u>	<u>22.101.021.150</u>	<u>338.642.803.218</u>	<u>266.554.345</u>	<u>553.274.710</u>	<u>390.679.790.844</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	14.933.353.027	7.176.040.696	133.884.089.420	228.075.884	553.274.710	156.774.833.737
- Khấu hao trong năm	1.025.972.110	2.354.278.641	17.185.561.829	15.460.364	-	20.581.272.944
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<u>15.959.325.137</u>	<u>9.530.319.337</u>	<u>151.069.651.249</u>	<u>243.536.248</u>	<u>553.274.710</u>	<u>177.356.106.681</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<u>14.182.784.394</u>	<u>14.839.444.090</u>	<u>197.366.530.816</u>	<u>38.478.461</u>	-	<u>226.427.237.761</u>
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<u>13.156.812.284</u>	<u>12.570.701.813</u>	<u>187.573.151.969</u>	<u>23.018.097</u>	-	<u>213.323.684.163</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 72.180.747.734 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 70.206.924.854 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
	máy tính	khác	
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	364.250.000	214.800.909	579.050.909
- Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	364.250.000	214.800.909	579.050.909
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	59.282.533	163.152.083	222.434.616
- Khấu hao trong năm	114.381.505	8.592.036	122.973.541
Tại ngày 31/12/2015	173.664.038	171.744.119	345.408.157
Giá trị còn lại			-
Tại ngày 01/01/2015	304.967.467	51.648.826	356.616.293
Tại ngày 31/12/2015	190.585.962	43.056.790	233.642.752

Giá trị tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết vẫn còn đang sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 62.000.000 VND.

**13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tân Sơn	2.490.384.442	148.063.000
Thi công tuyến ống cấp nước từ Phước Khánh đến Thuận Hoà	-	198.581.918
Triển khai phần mềm Kế toán doanh nghiệp	112.000.000	-
Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tháp Chàm	1.290.964.298	-
<b>Cộng</b>	<b>3.893.348.740</b>	<b>346.644.918</b>

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu gồm giá trị công cụ dụng cụ, vật tư xuất dùng để lắp đặt, thi công các tuyến ống nước.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Đại Đức	2.363.454.152	2.363.454.152	613.980.000	613.980.000
Công ty cổ phần HAWACO Miền Nam	-	-	484.000.000	484.000.000
Công ty TNHH Xuất - Nhập khẩu Thái Đạt	356.400.000	356.400.000	118.800.000	118.800.000
Công ty TNHH Thuận Thảo	251.717.400	251.717.400	192.317.004	192.317.004
Các đối tượng khác	557.059.922	557.059.922	407.890.666	407.890.666
<b>Cộng</b>	<b>3.528.631.474</b>	<b>3.528.631.474</b>	<b>1.816.987.670</b>	<b>1.816.987.670</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phí bảo vệ môi trường nước thải sinh hoạt	312.824.583	299.153.837
Phí môi trường rừng	137.665.120	119.546.200
Phải trả cổ tức	47.955.433	17.535.433
Quỹ lương điều hòa	350.444.200	432.003.600
Khoản đền bù di dời các tuyến ống nước	18.787.122.874	20.158.552.346
Các khoản phải trả khác	163.359.780	123.247.921
<b>Cộng</b>	<b>19.799.371.990</b>	<b>21.150.039.337</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Ban QLDA Cấp thoát nước đô thị ADB4 Ninh Thuận	46.866.616.290	46.866.616.290
Ban Quản lý các công trình hạ tầng Huyện Ninh Phước	3.936.819.842	3.936.819.842
Ban quản lý các dự án xây dựng hạ tầng đô thị	3.617.448.649	3.617.448.649
Ủy Ban Nhân Dân Huyện Thuận Nam	3.563.000.000	3.563.000.000
Tổng Công ty Lương Thực Miền Bắc	3.385.068.983	3.385.068.983
<b>Cộng</b>	<b>61.368.953.764</b>	<b>61.368.953.764</b>

**17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>	<b>15.144.245.028</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>						
Nguồn vốn ADB	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028	13.436.095.028
Nguồn vốn AFD	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000	1.708.150.000

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>167.326.206.905</b>	<b>167.326.206.905</b>	-	<b>15.144.245.028</b>	<b>182.470.451.933</b>	<b>182.470.451.933</b>
Nguồn vốn ADB	154.515.092.808	154.515.092.808	-	13.436.095.028	167.951.187.836	167.951.187.836
Nguồn vốn AFD	12.811.114.097	12.811.114.097	-	1.708.150.000	14.519.264.097	14.519.264.097

Khoản vay vốn ADB là khoản vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính và Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ 3 – ADB 3 ngày 26/07/2002, Bộ Tài chính cho Công ty vay lại khoản vay bằng VND tương đương với 11.836.000 USD; với thời hạn vay là 22 năm; trong đó có 6 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Trong thời kỳ ân hạn, lãi của khoản vay sẽ được gốc hóa vào các ngày 1/6 và 1/12 hàng năm. Khoản vay được chia làm 32 kỳ trả nợ, trong đó kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 01/12/2012. Hiện tại Ngân hàng đang áp dụng mức lãi suất cho vay là 5.8% và 0.2% phí quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay vốn AFD là khoản vay vốn theo hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/2003/TDNN ngày 28/05/2003 và phụ lục hợp đồng số 01/2011/PL-TDNN ngày 15/09/2011 với Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Ninh Thuận. Công ty vay từ nguồn vốn AFD để thực hiện Dự án Cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn. Tổng số vốn cho vay là 18.943.147.000 VND, lãi suất đi vay 5,8%/ năm kèm theo phí phải trả Ngân hàng là 0,2%/năm; Thời hạn vay 22 năm trong đó có 9 năm ân hạn bắt đầu từ ngày ký Hiệp định vay vốn 02/04/2002. Trong thời kỳ ân hạn, các khoản lãi phát sinh sẽ được gốc hóa vào các ngày 01/04 và 01/11 hàng năm. Khoản vay được chia làm 26 kỳ trả nợ, kỳ trả nợ đầu tiên sau thời gian ân hạn là ngày 31/10/2011.

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.144.245.028	15.144.245.028
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	60.576.980.112	60.576.980.112
Sau năm năm	106.749.226.793	121.893.471.821
	<b>182.470.451.933</b>	<b>197.614.696.961</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	15.144.245.028	15.144.245.028
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>167.326.206.905</b>	<b>182.470.451.933</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

Đơn vị: VND

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>59.247.868.920</b>	-	<b>16.791.221.388</b>	<b>76.039.090.308</b>
Phát hành cổ phiếu mới	27.665.685.996	-	-	27.665.685.996
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.605.691.963	17.605.691.963
Phân phối lợi nhuận	-	1.387.794.001	(13.877.940.017)	(12.490.146.016)
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>86.913.554.916</b>	<b>1.387.794.001</b>	<b>20.518.973.334</b>	<b>108.820.322.251</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.358.774.377	21.358.774.377
Trích quỹ	-	2.640.853.794	(6.545.712.715)	(3.904.858.921)
Quỹ thưởng của viên chức quản lý	-	-	(213.678.750)	(213.678.750)
Trả cổ tức	-	-	(13.332.771.000)	(13.332.771.000)
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>86.913.554.916</b>	<b>4.028.647.795</b>	<b>21.785.585.246</b>	<b>112.727.787.957</b>

Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 13/NQĐHCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2015, Công ty thực hiện trích lập quỹ đầu tư phát triển 1.760.569.196 đồng, quỹ dự phòng tài chính 880.284.598 đồng, quỹ khen thưởng 2.603.239.281 đồng, quỹ phúc lợi 1.301.619.640 đồng, quỹ thưởng của viên chức quản lý 213.678.750 đồng, chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 của Công ty là 10.429.626.000 đồng, chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 là 2.903.145.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4500289362 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 30 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 86.913.554.916 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

STT	Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 31/12/2014	
		VND	%	VND	%
1	Vốn góp của nhà nước	81.635.554.916	93,93%	81.635.554.916	93,93%
2	Vốn góp của các đối tượng khác	5.278.000.000	6,07%	5.278.000.000	6,07%
	- Do pháp nhân nắm giữ	1.005.000.000	1,16%	1.005.000.000	1,16%
	- Do thể nhân nắm giữ	4.273.000.000	4,91%	4.273.000.000	4,92%
	<b>Cộng</b>	<b>86.913.554.916</b>	<b>100,00%</b>	<b>86.913.554.916</b>	<b>100,00%</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	8.691.355	8.691.355
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	8.691.355	8.691.355

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	110.322.320.229	92.826.284.215
Doanh thu lắp đặt ống nước	4.578.838.319	3.989.747.037
<b>Cộng</b>	<b>114.901.158.548</b>	<b>96.816.031.252</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	72.200.734.867	62.033.997.960
<b>Cộng</b>	<b>72.200.734.867</b>	<b>62.033.997.960</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.088.851.482	26.494.931.977
Chi phí nhân công	21.983.443.042	21.567.417.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.720.396.079	18.048.464.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.770.090.985	3.892.981.985
Chi phí khác bằng tiền	3.033.449.919	2.432.394.914
<b>Cộng</b>	<b>84.596.231.507</b>	<b>72.436.190.782</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.866.954.673	10.100.147.718
<b>Cộng</b>	<b><u>8.866.954.673</u></b>	<b><u>10.100.147.718</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.705.921.984	12.586.242.847
<b>Cộng</b>	<b><u>11.705.921.984</u></b>	<b><u>12.586.242.847</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	2.366.635.877	2.030.195.970
Chi phí vật liệu, bao bì	3.856.798.300	2.519.664.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	713.735.152
<b>Cộng</b>	<b><u>6.223.434.177</u></b>	<b><u>5.263.595.317</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên	1.314.000.000	1.324.500.000
Chi phí vật liệu quản lý	284.108.459	410.543.117
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.810.389	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	302.754.778	226.580.050
Thuế, phí và lệ phí	616.429.284	357.370.461
Chi phí dự phòng	63.280.897	44.354.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	942.163.955	672.218.674
Các khoản chi phí bằng tiền khác	2.370.746.390	2.030.670.357
<b>Cộng</b>	<b><u>5.898.294.152</u></b>	<b><u>5.066.236.755</u></b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tiền công cắt đầu lại hệ thống nước	31.727.242	25.090.884
Thu nhập từ di dời các tuyến ống nước	6.489.621.586	4.751.777.947
Các khoản khác.	24.566.608	9.125.105
<b>Cộng</b>	<b><u>6.545.915.436</u></b>	<b><u>4.785.993.936</u></b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Chi phí di dời các tuyến ống nước	6.824.113.934	3.969.152.496
Các khoản khác.	2.621.290	111.040.770
<b>Cộng</b>	<b><u>6.826.735.224</u></b>	<b><u>4.080.193.266</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	27.458.908.253	22.671.906.761
<i>Điều chỉnh cho</i>		
Các khoản điều chỉnh tăng	268.973.000	356.342.322
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<u>27.727.881.253</u>	<u>23.028.249.083</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<u><u>6.100.133.876</u></u>	<u><u>5.066.214.798</u></u>

Công ty xác định thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế.

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.358.774.377	17.605.691.963
<i>Điều chỉnh</i>		
Quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	(4.118.537.671)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.358.774.377	13.487.154.292
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	8.691.355	6.449.218
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>2.457</u></u>	<u><u>2.091</u></u>

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2015.

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực cấp nước. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Các khoản vay	182.470.451.933	197.614.696.961
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(8.824.079.308)	(8.379.401.888)
Nợ thuần	173.646.372.625	189.235.295.073
Vốn chủ sở hữu	112.727.787.957	108.820.322.251
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>154%</b>	<b>174%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.824.079.308	8.379.401.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.969.347.800	18.241.195.872
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000.000	134.288.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.793.427.108</b>	<b>162.408.597.760</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	182.470.451.933	197.614.696.961
Phải trả người bán	3.528.631.474	1.816.987.670
Chi phí phải trả	5.089.417.393	4.895.644.509
<b>Tổng cộng</b>	<b>191.088.500.800</b>	<b>204.327.329.140</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Các khoản vay của Công ty là các khoản vốn vay ODA với lãi suất ưu đãi. Công ty đánh giá rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này ở mức thấp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 đến 5 năm</u> VND	<u>Sau 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tại 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.824.079.308	-	-	8.824.079.308
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.969.347.800	-	-	17.969.347.800
Đầu tư tài chính ngắn hạn	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.793.427.108</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>156.793.427.108</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>				
Các khoản vay	15.144.245.028	60.576.980.112	106.749.226.793	182.470.451.933
Phải trả người bán	3.528.631.474	-	-	3.528.631.474
Chi phí phải trả	5.089.417.393	-	-	5.089.417.393
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.762.293.895</b>	<b>60.576.980.112</b>	<b>106.749.226.793</b>	<b>191.088.500.800</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>133.031.133.213</b>	<b>(60.576.980.112)</b>	<b>(106.749.226.793)</b>	<b>(34.295.073.692)</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.379.401.888	-	-	8.379.401.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.241.195.872	-	-	18.241.195.872
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134.288.000.000	-	-	134.288.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>160.908.597.760</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>162.408.597.760</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>				
Các khoản vay	15.144.245.028	60.576.980.112	121.893.471.821	197.614.696.961
Phải trả người bán	1.816.987.670	-	-	1.816.987.670
Chi phí phải trả	4.895.644.509	-	-	4.895.644.509
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.856.877.207</b>	<b>60.576.980.112</b>	<b>121.893.471.821</b>	<b>204.327.329.140</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>139.051.720.553</b>	<b>(59.076.980.112)</b>	<b>(121.893.471.821)</b>	<b>(41.918.731.380)</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin rằng Công ty có thể tạo được luồng tiền phù hợp để thanh toán các nghĩa vụ nợ khi đến hạn.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Quản lý chủ chốt

***Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc***

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Tổng thu nhập	1.403.480.550	1.036.110.750

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác. Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 đã được phân loại lại cho phù hợp, cụ thể như sau:

	<b>Mã số</b>	<b>01/01/2015 (TT 200)</b>	<b>01/01/2015 (QĐ 15)</b>	<b>Chênh lệch</b>
Đầu tư ngắn hạn	121	-	134.288.000.000	(134.288.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)	123	134.288.000.000	-	134.288.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	17.270.845.159	17.006.216.133	264.629.026
Tài sản ngắn hạn khác	155	-	264.629.026	(264.629.026)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	-	1.500.000.000	(1.500.000.000)
Phải trả ngắn hạn khác	319	21.150.039.337	68.016.655.627	(46.866.616.290)
Phải trả dài hạn khác	337	61.368.953.764	14.502.337.474	46.866.616.290



**Phạm Hồng Châu**  
Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Thu Hòa**  
Kế toán trưởng

**Mai Thị Thanh Hương**  
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NINH THUẬN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09 /TTr-HĐQT

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 6 năm 2016

## TỜ TRÌNH

Về việc: lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Thông tư 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;
- Căn cứ Quyết định 2398/QĐ-BTC ngày 12/11/2015 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận danh sách doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2016;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận,
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07 /NQ-HĐQT ngày 06/06 / 2016,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán VACO – Chi nhánh Hồ Chí Minh là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng**

## TỜ TRÌNH

Về việc: Quyết toán chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2015 và kế hoạch chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc nhất trí thông qua Tờ trình số 58/TTr-CNNT ngày 22/3/2016 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc Xác định quỹ lương, quỹ thù lao thực hiện cho viên chức quản lý năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/NQ-HĐQT ngày 06/10/2016,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc quyết toán chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2015 và kế hoạch chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 như sau:

#### 1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015:

##### Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị không chuyên trách:  
01 người, mức chi là: 75.600.000 đồng
- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:  
02 người, mức chi là: 129.600.000 đồng

##### Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách:  
01 người, mức chi là: 64.800.000 đồng
  - Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:  
02 người, mức chi là: 103.680.000 đồng
- Tổng cộng: 373.680.000 đồng**

Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng.

#### 2. Kế hoạch chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016:

##### Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 48.260.400 đồng

- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 84.456.000 đồng

**Ban kiểm soát:**

- Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 42.228.000 đồng

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 67.564.800 đồng

**Tổng cộng: 242.509.200 đồng**

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm lẻ chín ngàn, hai trăm đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng**

**TỜ TRÌNH**Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/NQ-HĐQT ngày 06/06/2016;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận như sau:

**1. Phân phối lợi nhuận:**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2013 chuyển sang	1.729.075	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2014 chuyển sang	416.674.497	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2015	21.358.774.377	
4	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	21.777.177.949	
5	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:	8.905.836.869	
	+ Quỹ đầu tư phát triển	4.271.754.875	
	+ Quỹ khen thưởng	2.948.747.996	
	+ Quỹ phúc lợi	1.474.373.998	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	210.960.000	
6	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	12.871.341.080	

7	Chi trả cổ tức 14% (tính trên tổng mệnh giá 8.691.355 cổ phần)	12.167.897.000	
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	1.400	
8	Lợi nhuận chuyển sang năm 2016	703.444.080	

**2. Thời điểm chi trả cổ tức:**

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức là ngày 15/7/2016.
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 15/8/2016.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoàng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC

NINH THUẬN

Số: 12 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 6 năm 2016

## TỜ TRÌNH

Về việc: Kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng cơ bản – tài chính năm 2016.

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/NQ-HĐQT ngày 06/06/2016,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư xây dựng cơ bản – tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (đính kèm Tờ trình số 128/TTr-CNNT và Kế hoạch kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoàng





## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN - TÀI CHÍNH NĂM 2016

(Kèm theo tờ trình số 128./TTr-CNNT ngày 27/5/2016....)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch Quý năm 2016					Ghi chú
				Quý I/2016	Quý II/2016	Quý III/2016	Quý IV/2016	Cộng 2016	
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT - KINH DOANH</b>								
<b>1</b>	<b>Nước ghi thu</b>	<b>m<sup>3</sup></b>	<b>14.281.790</b>	<b>3.381.000</b>	<b>3.969.000</b>	<b>3.748.500</b>	<b>3.601.500</b>	<b>14.700.000</b>	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ M <sup>3</sup> nước ghi thu	m <sup>3</sup>	13.354.699	3.162.500	3.712.500	3.506.250	3.368.750	13.750.000	
	+ M <sup>3</sup> nước cung cấp cho XNCN ĐMH	m <sup>3</sup>	927.091	218.500	256.500	242.250	232.750	950.000	
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>130.314</b>	<b>28.713</b>	<b>33.177</b>	<b>31.495</b>	<b>30.273</b>	<b>123.658</b>	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Doanh thu nước ghi thu	triệu đồng	108.052	25.258	29.651	28.003	26.905	109.817	
	+ Doanh thu nước cung cấp XNCN ĐMH	triệu đồng	2.270	526	618	584	561	2.289	
	+ Sản lượng lắp đặt hoàn thành	triệu đồng	4.579	1.000	1.100	1.200	1.200	4.500	
	+ Doanh thu tài chính	triệu đồng	8.867	1.922	1.800	1.700	1.600	7.022	
	+ Doanh thu khác	triệu đồng	6.546	7	8	8	7	30	
<b>3</b>	<b>Chi phí</b>		<b>102.855</b>	<b>23.467</b>	<b>25.789</b>	<b>24.957</b>	<b>24.353</b>	<b>98.566</b>	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	triệu đồng	27.013	6.440	7.560	7.140	6.860	28.000	
	+ Chi phí nhân công	triệu đồng	19.301	4.600	5.400	5.100	4.900	20.000	
	+ BHXH + BHYT + BHTN + Ăn ca	triệu đồng	2.971	831	831	831	831	3.324	
	+ Kinh phí hoạt động Đảng bộ + KPCĐ	triệu đồng	240	62	76	70	95	303	
	+ Khấu hao TSCĐ	triệu đồng	20.704	5.300	5.300	5.300	5.300	21.200	
	+ Chi phí sản xuất chung	triệu đồng	6.484	1.495	1.755	1.657	1.593	6.500	
	+ Chi phí bán hàng	triệu đồng	3.857	966	1.134	1.071	1.029	4.200	
	+ Chi phí tài chính	triệu đồng	11.706	2.768	2.727	2.682	2.640	10.817	
	+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	3.752	1.000	1.000	1.100	1.100	4.200	



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch Quý năm 2016					Ghi chú
				Quý I/2016	Quý II/2016	Quý III/2016	Quý IV/2016	Cộng 2016	
	+ Chi phí khác	triệu đồng	6.827	5	6	6	5	22	
<b>4</b>	<b>Tỷ lệ thất thoát</b>	<b>%</b>	<b>21</b>					<b>21</b>	
<b>II</b>	<b>ĐẦU TƯ XDCB</b>		<b>12.587</b>	<b>11.987</b>	<b>5.159</b>	<b>9.229</b>	<b>4.021</b>	<b>30.396</b>	
<b>1</b>	<b>Giá trị XDCB</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>12.298</b>	<b>11.457</b>	<b>4.677</b>	<b>8.536</b>	<b>2.811</b>	<b>27.481</b>	
	<i>Trong đó:</i>								
	- Phát triển HTCN (năm 2015 chuyển qua)	triệu đồng	7.400	22	35			57	
	- Phát triển HTCN (Công trình thực hiện năm 2015 ứng trước vốn năm 2016)	triệu đồng	1.265	2.807	107			2.914	
	- Phát triển HTCN 2016	triệu đồng		1.058	3.269	3.084	511	7.922	
	- Cải tạo, nâng cấp NMN Tân Sơn giai đoạn 1 (năm 2015 chuyển qua)	triệu đồng	2.342	4.764	95			4.859	
	- Mở rộng nhà làm việc NMN Tân Sơn	triệu đồng				243		243	
	- Cải tạo công nghệ trạm bơm cấp 2 NMN Tân Sơn	triệu đồng				500	500	1.000	
	- Cải tạo, nâng cấp NMN Tháp Chàm giai đoạn 1 (năm 2015 chuyển qua)	triệu đồng	1.291	2.806	1.171			3.977	
	- Cải tạo, nâng cấp NMN Tháp Chàm giai đoạn 2	triệu đồng				1.500	1.800	3.300	
	- Xây phòng giao dịch Tháp Chàm	triệu đồng				509		509	
	- Lắp thêm bơm trạm bơm cấp 1 NMN Tháp Chàm	triệu đồng				2.700		2.700	
<b>2</b>	<b>Đầu tư khác</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>289</b>	<b>210</b>	<b>482</b>	<b>693</b>	<b>1.210</b>	<b>2.595</b>	
	- Mua sắm máy móc thiết bị	triệu đồng	177	190	100	100	110	500	
	- Phần mềm kế toán (năm 2015 chuyển qua)	triệu đồng	112	20	32			52	
	- Lập trình phần mềm GIS quản lý mạng lưới cấp nước	triệu đồng				593		593	
	- Mua xe DL 5 chỗ phục vụ công tác	triệu đồng					1.100	1.100	
	- Đánh giá hiện trạng và XD KH phát triển HTCN	triệu đồng			350			350	
<b>3</b>	<b>Số tiền chuyển vốn đối ứng</b>	<b>triệu đồng</b>		<b>320</b>				<b>320</b>	
<b>III</b>	<b>TÀI CHÍNH</b>								
<b>1</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>86.914</b>	<b>86.914</b>	<b>86.914</b>	<b>86.914</b>	<b>86.914</b>	<b>86.914</b>	
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>27.459</b>	<b>5.246</b>	<b>7.388</b>	<b>6.538</b>	<b>5.920</b>	<b>25.092</b>	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch Quý năm 2016					Ghi chú
				Quý I/2016	Quý II/2016	Quý III/2016	Quý IV/2016	Cộng 2016	
3	Các khoản phải nộp NSNN	triệu đồng	11.509	2.271	3.212	3.039	2.800	11.322	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Thuế TNDN	triệu đồng	6.100	1.049	1.478	1.308	1.184	5.019	
	+ Các loại thuế khác	triệu đồng	2.066	11	519	505	405	1.410	
	+ Phí BVMTĐVNTSH, phí NT CN, phí DVMT Rừng	triệu đồng	3.343	1.211	1.215	1.226	1.211	4.863	
4	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	21.359	4.197	5.910	5.230	4.736	20.073	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (2-3.1)/1	%	24,575	4,829	6,800	6,017	5,449	23,095	
6	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	triệu đồng	26.850	-	13.200	-	13.000	26.200	
<b>IV</b>	<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>								
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	triệu đồng	418					703	
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	triệu đồng	21.777					20.776	
3	Quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)	triệu đồng	4.272					4.015	
4	Quỹ khen thưởng (2 tháng lương thực hiện)	triệu đồng	2.949					2.949	
5	Quỹ phúc lợi (1 tháng lương thực hiện)	triệu đồng	1.474					1.474	
6	Quỹ thưởng viên chức quản lý (1,5 tháng lương thực hiện)	triệu đồng	211					211	
7	Chia cổ tức	triệu đồng	12.168					10.430	
8	Lợi nhuận chuyển sang năm sau	triệu đồng	703					1.697	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN



Phạm Hồng Châu